

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27 tháng 9 năm 2022  
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.  
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:  
Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn Tiến D, sinh năm 1984. Nơi ĐKKHKT: thôn TB, xã HL, huyện UH, thành phố Hà Nội.

\* **Bị đơn:** Chị Hồ Thị Minh N - sinh năm 1978. Nguyên quán: xã QĐ, huyện QL, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: thôn TB, xã HL, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Anh D, chị N đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Lê Văn Tiến D là nguyên đơn trình bày: anh và chị Hồ Thị Minh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau bình thường, chỉ thỉnh thoảng mới phát sinh mâu thuẫn Nng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, mâu thuẫn xong rồi lại thôi. Tuy nhiên, đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên căng thẳng hơn do nảy sinh quan điểm về cuộc sống trái ngược nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng, không tìm được tiếng nói chung với nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh không còn tình

cảm gì với chị N nữa, anh không muốn tiếp tục chung sống với chị N nữa, anh và chị N không có gì để níu kéo nên anh làm đơn xin được ly hôn chị N để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 01 con chung: Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/6/2013. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh; trường hợp chị N có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý để chị N nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Hồ Thị Minh N là bị đơn trình bày:* chị và anh Lê Văn Tiến D tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã HL năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống tuy không xảy ra xô xát Nng cuộc sống vợ chồng cơ bản không có hạnh phúc vì anh D là người chồng, người cha sống không có trách nhiệm với vợ con và gia đình, anh D không cùng chị chăm sóc con nhỏ, cũng không đỡ đần chị về kinh tế gia đình. Anh D còn mang nợ về nhà, chị phải mang tiền về trả nợ cho anh D rất nhiều lần, anh D còn có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác. Cách đây khoảng 02 năm mâu thuẫn vợ chồng chị trở nên căng thẳng hơn, tuy đã rất cố gắng Nng vì cuộc sống N vậy không thể tiếp tục được nên cuối năm 2021 chị có xin phép bố mẹ chồng cùng họ hàng gia đình nhà chồng để chị đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ ở QĐ – QL -Nghệ An sinh sống, hai vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh D có đơn xin ly hôn chị, quan điểm chị: tuy vợ chồng không còn tình cảm Nng vì lý do riêng và vì chị cũng muốn cho anh D một cơ hội để thay đổi bản thân nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/6/2013; Hiện nay cháu đang ở với chị. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì đường xa, chị bận công việc nên không thể đến Tòa án làm việc được nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, xin được vắng mặt tại tất cả buổi làm việc khác của Tòa án. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị. Chị đề nghị Tòa án không phải tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng chị, không cần giao văn bản tố tụng nào cho chị, chị từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của tòa án.

*Tại biên bản xác minh ngày 26/8/2022, chính quyền địa phương xã QĐ cung cấp:* Chị Hồ Thị N và con gái là Lê Thị Quỳnh N hiện đang sinh sống trực tiếp cùng nhà với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Thái ở Đội 4, xã QĐ, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

**Tại phiên tòa,** anh D và chị N đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự N tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định Nng không hòa giải được do anh D và chị N đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đều vắng mặt tại buổi hòa giải. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho anh D được ly hôn chị N; giao con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D; anh D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lan Hương làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, anh D và chị N đều có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đều vắng mặt nên buổi hòa giải giữa hai vợ chồng anh D chị N không tiến hành được, chị N và anh D đều xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn Tiến D và chị Hồ Thị Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL ngày 23/7/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh D trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung; còn theo chị N trình bày là do anh D sống không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, còn ngoại tình với người phụ nữ khác. Vì mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị N và anh D đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Anh D cương quyết xin được ly hôn với chị N; chị N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có thời gian sống ly thân, hiện nay vẫn sống ly thân và cũng thừa nhận không còn tình cảm gì với anh D Nng chị không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh D là căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D xin ly hôn, chị N không còn tình cảm Nng vẫn không đồng ý vì muốn cho anh D một cơ hội để thay đổi bản thân Nng anh D không cần cơ hội đó, đồng thời chị N cũng không có động thái nào thể hiện mong muốn

đoàn tụ nên xử cho anh D được ly hôn chị N là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh D và chị N có 01 con chung là Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/6/2013. Chị N và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con chung và đều không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con cho mình. Tuy nhiên, anh D cũng trình bày, nếu chị N có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý cho chị N nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh D và chị N đều xác nhận hiện nay cháu N đang ở với chị N; chị N có nguyện vọng được nuôi con, anh D đồng ý; mặt khác, cháu N cũng có quan điểm trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu N, ổn định tâm sinh lý của cháu N sau khi anh D và chị N ly hôn, giao con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật; do chị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: anh D và chị N đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: anh D phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: anh Lê Văn Tiến D được ly hôn chị Hồ Thị Minh N.

2. Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/6/2013. Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Lê Thị Quỳnh N cho đến khi con chung khôn lớn, trưởng thành hoặc cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có sự thay đổi khác; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có sự thay đổi khác.

Sau ly hôn anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị N và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn Tiến D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057665 ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với đương sự vắng mặt./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục THADS huyện □ng Hoà;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Thiện**

**Thành viên Hội đồng xét xử  
Chủ tọa phiên tòa**

**Thẩm phán –**